

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Công Định

Ông Nguyễn Văn Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Ngọc Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, nguyên đơn Chị Võ Ngọc Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Anh Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính tình không hòa hợp, dẫn đến thường cãi vã nhau và đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Đ có 01 người con tên Lê Huy Th sinh ngày 04/10/2004, hiện chị Q đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Q yêu

cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, mỗi tháng cấp dưỡng một lần cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị Q xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho Anh Lê Văn Đ, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Võ Ngọc Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; Anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q, anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Ngọc Q và Anh Lê Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2003, anh chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm chị Q vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận Chị Võ Ngọc Q với Anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Lê Huy Th sinh ngày 04/10/2004, đang sống cùng với chị Q. Khi ly hôn chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th; đối với anh Đ không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh Đ và chị Q ly thân cho đến nay cháu Thiệu do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Thiệu cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thiệu; đối với việc cấp dưỡng cho con chị Q yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, định kỳ mỗi tháng cấp dưỡng một lần, tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Thiệu tròn 18 tuổi. Xét thấy việc cấp dưỡng cho con đối với người không trực tiếp nuôi con là nghĩa vụ nên yêu cầu này của chị Q là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Đ không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm Chị Võ Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng cho con Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Võ Ngọc Q và Anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Huy Th sinh ngày 04/10/2004 cho chị Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Huy Th mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 17/8/2020 cho đến khi cháu Thiệu tròn 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như anh Đ chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

+ Chị Võ Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011149 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Lê Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); anh Đ chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phụng**